

Bản án số: 35/2018/DS-PT

Ngày 21-11-2018

V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Trần Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3288/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 3471/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Xuân L, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn QR, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trịnh Văn Tr (Trịnh Văn Ch), sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn QR, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Ông Trịnh Văn Th, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn LC, xã ĐP, huyện KT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà Đỗ Thị D1, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn TL, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Bà Đỗ Thị D2, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn QR, xã MĐ, huyện AL,

thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Anh Ngô Thành K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn KC, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Bà Đỗ Thị D, Bà Đỗ Thị D1 và Bà Đỗ Thị D2, anh Ngô Thành K: Ông Đỗ Xuân L.*

5. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1952; nơi cư trú: Đường CMTT, phường HL, thành phố P, tỉnh GL; vắng mặt.

6. Anh Đỗ Xuân Tr, sinh năm 1987; nơi cư trú: Đường CMTT, phường HL, thành phố P, tỉnh GL; vắng mặt.

7. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Thiêm Khê, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

8. Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn QR, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

9. Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

10. Bà Trịnh Thị Th, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn QR, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

11. Bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xã Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

- *Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Xuân L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đỗ Xuân L trình bày:

Cụ Hoàng Thị Ph được hợp tác xã giao cho hai thửa đất nông nghiệp để canh tác theo tiêu chuẩn của địa phương. Đến năm 1995, cụ Ph được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0120840 ngày 30/03/1995 đối với hai thửa đất thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 diện tích 192m² và thửa đất số 33, tờ bản đồ số 9 diện tích 480m²; địa chỉ: xứ Đồng Than, xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Quá trình Nhà nước làm đường cao tốc đã thu hồi diện tích 457m², còn lại 215m² thuộc thửa đất số 180, trong đó khoảng 20m² thuộc thửa số 33. Bà Đỗ Thị D2 là con gái cụ Ph nhận tiền, diện tích đất còn lại ông L, bà D2 sử dụng. Năm 2007, ông Trịnh Văn Th đã tự ý mang 02 phần mộ của gia đình xây dựng trên thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 diện tích 192m²; Sau đó ông Th và ông Trịnh Văn Ch còn lén lút bán phần ruộng trên cho những người khác để xây phần mộ. Đến năm 2008, cụ Ph chết. Năm 2013, gia đình ông L đặt mộ cụ Ph vào phần thuộc thửa số 180. Nay ông Đỗ Xuân L yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Văn Ch và ông Trịnh Văn Th trả lại cho ông Đỗ Xuân L diện tích đất 192m², tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9; địa chỉ: xứ Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn trình bày:

Ông Trịnh Văn Ch trình bày: Năm 1985, ông làm bảo vệ cho Hợp tác xã Tiên Lập, xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian ông làm bảo vệ cho hợp tác xã, ông thấy ông Đỗ Xuân Ch có 01 thửa ruộng tại khu Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng bị bỏ hoang không canh tác, từ năm 2000, ông không xác định được rõ diện tích bao nhiêu mét vuông. Hợp tác xã nông nghiệp thôn Tiên Lập đã giao cho ông quản lý, sử dụng thửa ruộng này. Năm 2006 ông Ch có chuyển nhượng một phần diện tích đất ruộng cho ông Trịnh Văn H người cùng xóm để đặt mộ. Năm 2009 gia đình có đặt phần mộ của bố mẹ vợ, nhưng không đặt vào phần diện tích đất nông nghiệp của ông Đỗ Xuân Ch mà ông đã được hợp tác xã nông nghiệp thôn Tiên Lập giao. Trong quá trình ông Ch sử dụng không có ai có ý kiến hay tranh chấp gì. Đến năm 2014, ông Đỗ Xuân L cho rằng diện tích đất nông nghiệp tại khu Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng là của mẹ ông L cụ Hoàng Thị Ph và dẫn đến tranh chấp. Nay ông L muốn lấy lại diện tích đất nông nghiệp tại thửa đất nói trên ông Ch đồng ý, nhưng việc ông L muốn đòi lại diện tích với nguyên vẹn 192m² là không có cơ sở, ông Ch không đồng ý, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Xuân L. Đối với việc chuyển nhượng đất giữa ông và ông Trịnh Văn T, ông Ch và ông T đã tự thỏa thuận, ông đã trả lại tiền cho ông T hiện nay ông T không còn liên quan gì đến diện tích đất.

Ông Trịnh Văn Th trình bày: Diện tích đất tại khu Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng mà ông Đỗ Xuân L khởi kiện đối với ông là đất nông nghiệp đã được cấp cho ông Đỗ Xuân Ch vợ là bà Phạm Thị H từ năm 1995 (ông Ch là anh trai ông L) chứ không phải diện tích đất được cấp cho cụ Hoàng Thị Ph. Năm 2003, ông Trịnh Văn Th có đặt mộ bố mẹ vào khu đất tại chân gò bỏ hoang tại khu Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng, việc đặt mộ không vào diện tích đất vợ chồng ông Ch bà H được cấp. Nên việc khởi kiện của ông Đỗ Xuân L là không có căn cứ đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông Đỗ Xuân L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị H trình bày: Bà Phạm Thị H có chồng là ông Đỗ Xuân Ch, ông Ch đã chết năm 2000, không để lại di chúc. Diện tích đất ông Đỗ Xuân L đặt mộ cụ Hoàng Thị Ph không phải là đất nông nghiệp vợ chồng bà được giao mà là đất nông nghiệp giao cho cụ Hoàng Thị Ph, bà H đề nghị không đưa bà và con trai anh Đỗ Xuân Tr vào tham gia tố tụng, bà và con trai bà ủy quyền cho ông L, ý kiến của ông L là ý kiến của mẹ con bà. Vợ chồng bà H không liên quan gì đến diện tích đất này.

Anh Ngô Thành K trình bày: Anh là con trai bà Đỗ Thị D là cháu cụ Hoàng Thị Ph, mẹ anh bà D đã chết anh là người đại diện, anh thống nhất với lời khai và đề nghị của ông Đỗ Xuân L.

Các Bà Đỗ Thị D1, Bà Đỗ Thị D2 và Bà Đỗ Thị D ủy quyền cho ông Đỗ Xuân L, thống nhất với lời khai của ông Đỗ Xuân L.

Bà Trịnh Thị H1 là vợ ông Trịnh Văn Ch thống nhất với lời khai của ông Ch đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Xuân L.

Tại biên bản thẩm định ngày 01/8/2018 xác định được như sau: Diện tích đất ông Đỗ Xuân L đặt mộ cụ Hoàng Thị Ph đã xây bờ bao là 131,2m², diện tích đất ông Trịnh Văn Th đặt mộ bố mẹ ông Th có diện tích 31m², diện tích đất ông L tự chỉ mốc giới xác định diện tích bằng 187,2 m². Tại Biên bản định giá tài sản ngày 10/3/2017: Giá đất được xác định là 60.000đ/m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ quy định tại Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 79 của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ quy định tại Điều 50, 107 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ quy định tại Điều 95, 100 của Luật Đất đai;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Xuân L về việc buộc ông Trịnh Văn Th, Trịnh Văn Ch trả lại diện tích đất 192m² tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9; địa chỉ: Khu Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về việc đặt mộ của một số hộ gia đình tại khu Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2018 ông Đỗ Xuân L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, lý do Tòa án sơ thẩm xử như trên là không khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Đỗ Xuân L giữ nguyên trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ không có căn cứ xác định diện tích đất mà gia đình ông L đang đặt mộ cụ Hoàng Thị Ph là đất của cụ Ph được UBND huyện An Lão cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0120840 ngày 30/03/1995, thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9, diện tích 192m². Vì vậy, kháng cáo của ông L đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng là không có

cơ sở chấp nhận. Tòa án huyện An Lão thụ lý vụ án trước ngày 30/12/2016 vì vậy theo Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nguyên đơn chỉ phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 147, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm là chưa đảm bảo. Đề nghị HĐXX sửa bản án về phần án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Trịnh Văn Trung, ông Trịnh Văn Th và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H, bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Th, bà Trịnh Thị H2 đều vắng mặt lần hai. Bà Đỗ Thị D, Bà Đỗ Thị D1, Bà Đỗ Thị D2, anh Ngô Thành K, bà Phạm Thị H, anh Đỗ Xuân Tr vắng mặt lần hai nhưng đã trình bày ủy quyền cho ông Đỗ Xuân L nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L đề nghị xin được hoãn phiên tòa để mời luật sư nhưng không xuất trình được thủ tục. Ông L đề nghị Tòa án thẩm tra, xác minh lại toàn bộ vụ án nhưng không có căn cứ nên đề nghị trên không được chấp nhận.

- Về nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn ông Đỗ Xuân L yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Văn Ch và ông Trịnh Văn Th trả lại cho ông Đỗ Xuân L diện tích đất 192m², tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9; địa chỉ: xứ Đông Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

[3]. *Về nguồn gốc đất tranh chấp:* Theo báo cáo của Thanh tra huyện An Lão, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Lão và Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng thì thửa đất đang tranh chấp, trên đất có mộ phần cụ Hoàng Thị Ph, vị trí đất này thuộc thửa số 202, tờ bản đồ số 9 năm 1985 và thuộc thửa số 81A, tờ bản đồ 271, diện tích 256m² thuộc xứ Đàm Than do UBND xã Mỹ Đức đang quản lý.

[4]. *Về diện tích đất tại thửa số 180, tờ bản đồ số 9 diện tích 192m² của cụ Hoàng Thị Ph:* Theo báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, đại diện thôn Tiến Lập và các ông bà nguyên là lãnh đạo thôn, chủ nhiệm hợp tác xã, kế toán thôn Tiến Lập qua các thời kỳ cung cấp: Năm 1995, cụ Ph được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp hai

thửa đất: Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 diện tích 192m² và thửa đất số 33, tờ bản đồ số 9 diện tích 480m²; tổng diện tích có diện tích đất 672m² ở khu Đàm Thạch cao. Năm 2003, thực hiện việc dồn điền, đổi thửa về vị trí xứ đồng khu Lê chín thuộc thửa đất số 25d +26, tờ bản đồ 271-D năm 1996, tổng diện tích đất 64 của cụ Ph trước khi bị dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thu hồi không thay đổi về diện tích. Năm 2010, dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đã thu hồi diện tích là 457m² của hộ gia đình cụ Ph (thửa đất số 25d diện tích 284m², thửa đất số 26 diện tích 173m²) tiền bồi thường, hỗ trợ con gái cụ Ph là Bà Đỗ Thị D2 đã nhận theo quy định, diện tích đất còn lại là 215m² hiện nay bà D2 đang quản lý sử dụng. Vị trí đất đặt mộ cụ Hoàng Thị Ph hiện nay trên sổ theo dõi diện tích là 144m², đây là đất nông nghiệp của ông Đỗ Văn Chòi, sau dồn điền đổi thửa đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do thửa đất này là ruộng chân cao nên khoảng năm 2000 ông Đỗ Văn Chòi đã bán đất cho ông Lương Văn Hồng lấy đất đóng gạch. Thửa đất này sau đó bị đào sâu và bỏ hoang, từ năm 2000 ông Ch và bà H không còn sử dụng, không đóng góp nghĩa vụ cho địa phương. Hiện tại khu đất đó có một số gia đình đã đặt mộ trong đó có mộ cụ Hoàng Thị Ph và không ai có ý kiến, kiến nghị gì.

[5]. Những người sử dụng đất liền kề là các ông Đỗ Văn Mế, bà Hoàng Thị Mỹ, bà Nguyễn Thị Bi khai: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ Hoàng Thị Ph sử dụng diện tích đất này từ những năm 1980, sau đó từ năm 1990 trở ra là do vợ chồng ông Đỗ Văn Chòi, Phạm Thị H sử dụng. Diện tích đất này ông Ch, bà H sử dụng một thời gian thì bỏ hoang.

[6]. Tại Biên bản làm việc này 18/3/2014, ông Đỗ Văn Lượng, ông Đỗ Văn Hiệu nguyên Trưởng, Phó thôn Tiến Lập thời kỳ năm 2003; bà Đỗ Thị Thu, Phó Trưởng thôn Tiến Lập thời kỳ năm 2014 khẳng định bà Hoàng Thị Ph không có đất canh tác tại khu Đàm Than, vị trí đất ông L đặt mộ bà Hoàng Thị Ph không phải đất của bà Phệt. Đất canh tác của bà Phệt còn lại sau khi thu hồi làm đường cao tốc là tại vị trí khu Lê chín.

[7]. Sổ mục kê năm 1985 thể hiện diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa 202, 203 tờ bản đồ số 9, không thể hiện người đứng tên.

[8]. Tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2018, định giá tài sản ngày 10/3/2017 Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức và đại diện thôn Tiến Lập, xã Mỹ Đức xác định vị trí đất đang tranh chấp (đất đặt mộ cụ Hoàng Thị Ph): Theo sổ mục kê năm 1985 thuộc thửa số 202 và 203, diện tích 736m², trong sổ mục kê không ghi người sử dụng; theo sơ đồ địa chính và sổ mục kê năm 1996 thì đất đang tranh chấp thuộc thửa số 81a + 81b + 82, tờ bản đồ 271-D thuộc khu Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Vị trí thẩm định và định giá không phải là thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9, không phải ở khu Đồng Than mà ở khu Lê chín.

[9]. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ nêu trên không có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp, đang đặt mộ cụ Hoàng Thị Ph là đất của cụ Ph được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0120840

ngày 30/03/1995 như ông L trình bày. Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông L là có cơ sở. Vì vậy, kháng cáo của ông L không có căn cứ chấp nhận.

[10]. Ông L đề nghị xem xét việc ông Trịnh Văn Ch nhận tiền bồi thường khoảng 44m² do Nhà nước làm đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, nhưng xác minh tại phòng Tài chính huyện An Lão không có khoản tiền bồi thường này nên không có căn cứ xem xét.

[11]. Về chi phí tố tụng và án phí: Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản ông Đỗ Xuân L phải nộp là 6.000.000đ. Ông L đã nộp đủ các khoản tiền này. Về án phí: Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý vụ án ngày 28/10/2016, căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Đỗ Xuân L chỉ phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 164; Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Xuân L, sửa bản án sơ thẩm về án phí. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Xuân L về việc buộc ông Trịnh Văn Thích, Trịnh Văn Ch trả lại diện tích đất 192m² tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9; địa chỉ: Khu Đồng Than, Thôn TL, xã MĐ, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ông Đỗ Xuân L phải nộp là 6.000.000đ. Ông L đã nộp đủ các khoản tiền này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 1.920.000đ (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002266 ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Ông Đỗ Xuân L được trả lại số tiền 1.720.000đ (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Xuân L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đỗ Xuân L 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm

ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016948 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Dũng